



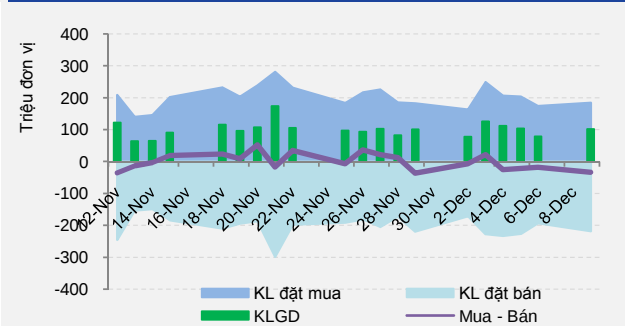
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 9/12/2013

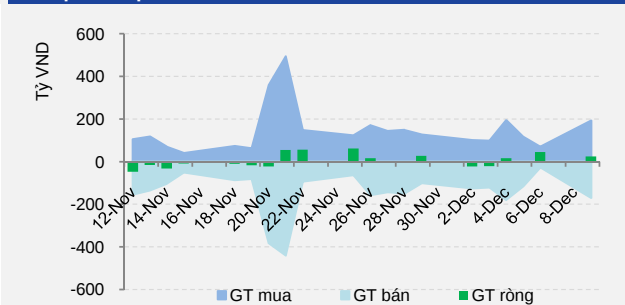
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	511.2	66.1
% Thay đổi	↑ 0.2%	↑ 0.0%
KLGD (CP)	102,308,070	40,997,375
GTGD (tỷ đồng)	1,559.95	362.71
Tổng cung (CP)	217,804,040	83,855,800
Tổng cầu (CP)	184,368,430	75,672,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	6,627,150	241,300
KL mua (CP)	5,264,460	1,710,000
GTmua (tỷ đồng)	192.48	22.10
GT bán (tỷ đồng)	168.26	2.06
GT ròng (tỷ đồng)	24.22	20.04

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.74%	7.2	1.6	1.7%
Công nghiệp	↑ 0.25%	228.3	1.1	22.1%
Dầu khí	↑ 1.56%	7.7	1.4	4.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.10%	14.0	1.9	2.6%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.98%	8.8	2.9	1.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.08%	12.5	5.1	21.3%
Ngân hàng	↑ 0.53%	11.0	1.3	3.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.27%	10.0	2.0	8.7%
Tài chính	↓ -0.46%	15.9	2.4	27.4%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.40%	8.9	3.2	7.4%
VN - Index	↑ 0.22%	12.9	2.9	81.1%
HNX - Index	↑ 0.05%	17.0	1.6	18.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,033,630	1.0%	3,361,820	3.3%
GTGD (tỷ VND)	29,086	1.9%	63,354	4.1%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Được hỗ trợ từ cổ phiếu MSN, chỉ số VN-Index tiếp tục ghi nhận phiên tăng điểm với thanh khoản tăng so với phiên trước. Tính chung toàn thị trường, áp lực cung tiếp tục tăng mạnh khi VN-Index tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm điểm so với mức cao nhất, loại bỏ tác động từ cổ phiếu MSN, chỉ số chung đã ghi nhận phiên giảm điểm. Áp lực cung giá cao cũng tăng khá mạnh khi HNX-Index tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 66 điểm, đẩy chỉ số chung đóng cửa thấp hơn so với mốc cao nhất.

Điểm tích cực là lực cầu tham gia thị trường vẫn khá tốt và ổn định. Dòng tiền tập trung tại nhóm cổ phiếu midcaps kỳ vọng KQKD tốt, không thuộc danh mục quỹ ETF bán ra. Tuy nhiên diễn biến áp lực cung giá cao toàn thị trường khá mạnh cho thấy quan điểm thận trọng đang gia tăng, khi 1/ thị trường đang ở ngưỡng cản kỹ thuật; và 2/ nhóm cổ phiếu quỹ ETF bán ra chiếm tỷ trọng khá lớn trong chỉ số chung.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tại ngưỡng kháng cự, với mốc hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 503-505 điểm đối với VN-Index, 63-64 điểm đối với HNX-Index. Chúng tôi vẫn đánh giá tích cực về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy.

Trong ngắn hạn, với tác động từ động thái tái cơ cấu của quỹ ETF, nhà đầu tư có thể xem xét chốt lời nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng. Đối với những cổ phiếu midcap kỳ vọng KQKD Q4 khả quan, nhà đầu tư nên tiếp tục duy trì trạng thái danh mục. Nhà đầu tư cũng có thể tận dụng giai đoạn quỹ ETF tái cơ cấu, chờ mua cổ phiếu tốt trong danh sách bị bán ra ở mức giá hấp dẫn.

- VN-Index tăng 1.11 điểm (0.22%), lên 511.23 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 514.13 điểm.

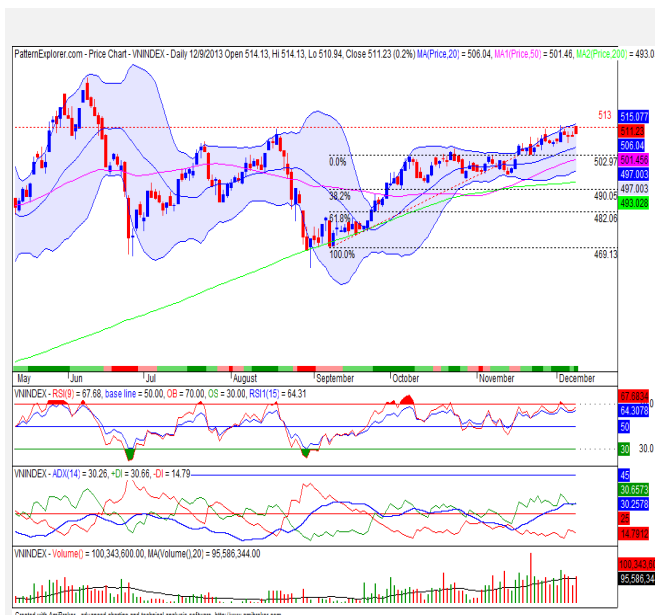
- HNX-Index tăng 0.03 điểm (0.05%), lên 66.12 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 66.45 điểm.

- Ngày 6/12, quỹ FTSE ETF đã công bố kết quả tái cơ cấu danh mục định kỳ Q4, thêm mới cổ phiếu PVT, tăng tỷ trọng hai mã cổ phiếu MSN và DRC. Theo ước tính, quỹ này sẽ mua vào 6.4 triệu cổ phiếu PVT, 3 triệu cổ phiếu MSN. Để cân đối với số lượng mua thêm, Quỹ sẽ bán ra ở các cổ phiếu còn lại trong danh mục. Hoạt động tái cơ cấu sẽ được thực hiện trong vòng hai tuần sau khi công bố kết quả tái cơ cấu. Cuối tuần này, ngày 13/12, quỹ VNM ETF cũng sẽ công bố kết quả tái cơ cấu danh mục định kỳ Q4, thực hiện tái cơ cấu trong một tuần. Động thái tái cơ cấu danh mục của hai quỹ dự kiến sẽ có ảnh hưởng mạnh đến thị trường chung. Dòng tiền dự báo sẽ tập trung vào nhóm cổ phiếu ngoài danh mục ETF, hoặc chờ mua cổ phiếu tốt ở mức giá hợp lý, khi quỹ ETF hoàn thành tái cơ cấu danh mục.

- NHNN vừa công bố tình hình hoạt động của các TCTD tính đến tháng 10/2013. Nhìn chung hệ thống các TCTD vẫn hoạt động an toàn, thanh khoản của hệ thống tiếp tục được cải thiện tích cực. Tính đến 31/10, tổng tài sản có của toàn hệ thống đạt 5.4 triệu tỷ đồng, tăng thêm 57,428 tỷ đồng so với cuối tháng 9. Đây là tháng thứ 3 liên tiếp tổng tài sản có của hệ thống tăng trở lại sau khi giảm khá mạnh trong tháng 7. Tính chung, tổng tài sản có của hệ thống các TCTD đã tăng 6.66% so với cuối năm 2012. Sau nhiều tháng ở mức âm, vốn tự có của khối NHTMCP đã tăng 3.08% so với cuối năm 2012, đạt 188,778 tỷ đồng, vốn tự có của toàn hệ thống vẫn tăng 6.33% so với cuối năm 2012.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 1.11 điểm (0.22%), lên 511.23 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 514.13 điểm.

- KLGD tăng 35% so với phiên trước, lên 100 triệu đơn vị, tương đương mức trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 64 điểm, tâm lý thị trường vẫn tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách tiếp tục thu hẹp.

Nhận định: Được hỗ trợ từ cổ phiếu MSN, chỉ số VN-Index tiếp tục ghi nhận phiên tăng điểm với thanh khoản tăng so với phiên trước. Tính chung toàn thị trường, áp lực cung tiếp tục tăng mạnh khi VN-Index tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm điểm so với mức cao nhất, loại bỏ tác động từ cổ phiếu MSN, chỉ số chung đã ghi nhận phiên giảm điểm.

Điểm tích cực là lực cầu tham gia thị trường vẫn khá tốt và ổn định. Dòng tiền tập trung tại nhóm cổ phiếu midcaps kỳ vọng KQKD tốt, không thuộc danh mục quỹ ETF bán ra. Tuy nhiên diễn biến áp lực cung giá cao toàn thị trường khá mạnh cho thấy quan điểm thận trọng đang gia tăng, khi 1/ thị trường đang ở ngưỡng cản kỹ thuật; và 2/ nhóm cổ phiếu quỹ ETF bán ra chiếm tỷ trọng khá lớn trong chỉ số chung.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tại ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Mốc hỗ trợ kỹ thuật đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 503-505 điểm. Mốc 513 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.03 điểm (0.05%), lên 66.12 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 66.45 điểm.

- KLGD tăng 22% so với phiên trước, lên 39 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI 14 duy trì ở mức 80 điểm, vẫn ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách tiếp tục thu hẹp dần.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục phiên tăng điểm với thanh khoản tăng so với tuần trước. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu dầu khí, xây dựng và nhóm cổ phiếu Ngân hàng. Tuy nhiên áp lực cung giá cao cũng tăng khá mạnh khi HNX-Index tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 66 điểm, đây chỉ số chung đóng cửa thấp hơn so với mốc cao nhất.

Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến điều chỉnh tại ngưỡng cản kỹ thuật 66 điểm. Mốc hỗ trợ kỹ thuật đối với thị trường ở thời điểm hiện tại là khoảng 63-64 điểm. Mốc 66 điểm dự báo vẫn là ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	142.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	440.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	78.5%	102.3%	29.4%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.4%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	11.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	120.6%	102.4%	39.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	108.8%	129.7%	23.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	171.8%	129.1%	45.0%

TỔNG HỢP KQKD Q3/2013 VÀ 9T/2013 CỦA CÁC NGÂN HÀNG

STT	Mã	Sàn	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN KH 2013	LN 9T so KH2013	EPS	BVPS	Vốn điều lệ (tỷ)	Tỷ lệ SHNN
1	VCB	HOSE	1,039.89	-6.0%	3,016.04	-10.1%	4,350.0	69.3%	1,757	17,914	23,174	19.83%
2	CTG	HOSE	2,186.73	-19.3%	5,296.12	10.0%	6,450.0	82.1%	2,287	13,458	32,661	28.70%
3	EIB	HOSE	298.28	-28.0%	879.58	-51.8%	2,400.0	36.6%	965	11,969	12,355	27.14%
4	ACB	HNX	400.82	177.0%	1,117.58	2.8%	1,350.0	82.8%	1,027	13,902	9,377	30.00%
5	NVB	HNX	2.46	-62.6%	12.98	-86.8%	90.0	14.4%	(278)	10,746	3,010	0.02%
6	STB	HOSE	508.72	23.7%	1,657.87	4.6%	2,100.0	78.9%	703	14,382	10,740	4.86%
7	MBB	HOSE	529.89	-18.3%	1,873.07	-8.4%	2,642.3	70.9%	2,043	13,894	10,625	10.00%
8	SHB	HNX	236.12	113.8%	537.82	142.7%	859.5	62.6%	1,884	11,330	8,866	17.07%

CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI KÍN ROOM

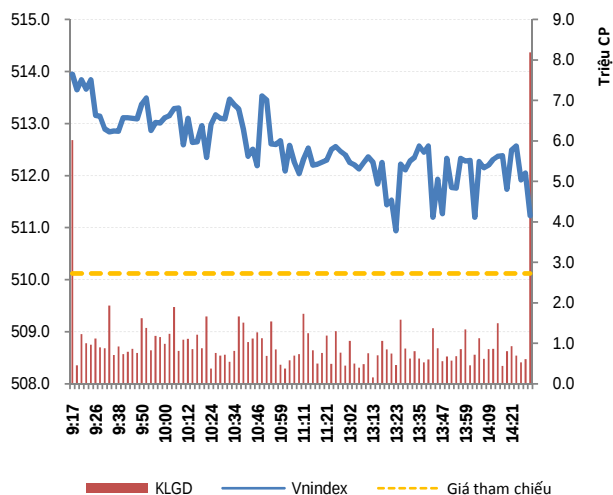
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
2	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
3	BMP	HOSE	523.37	111.6%	87.06	96.8%	1552.16	112.9%	282.92	108.8%	89.8%	49.0%
4	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	86.7%	76.0%	49.0%
5	JVC	HOSE	106.76	46.3%	10.39	17.0%	347.88	103.8%	23.92	36.1%	11.9%	49.0%
6	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17207.3%	104.8%	49.0%
7	VSC	HOSE	213.22	108.5%	59.34	114.5%	576.71	99.7%	160.92	96.8%	100.3%	49.0%
8	PHS	HNX	10.63	118.1%	-8.13	48.8%	37.67	84.0%	-14.13	21.3%	0.0%	49.0%
9	VCS	HNX	462.39	180.8%	12.9	105.7%	1001.59	138.4%	48.57	138.7%	96.5%	49.0%
10	NVT	HOSE	53.31	114.3%	11.73	701.5%	163.86	99.2%	20.97	-157.0%	110.4%	48.0%

Ghi chú: Chỉ liệt những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

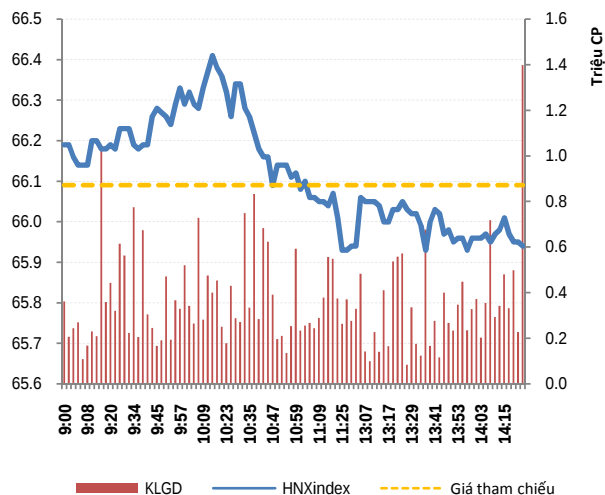
Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 26/11/2013

EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất

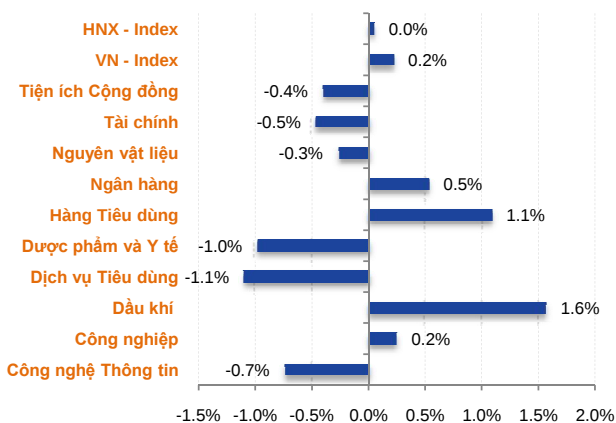
KLGD và VN-Index trong phiên



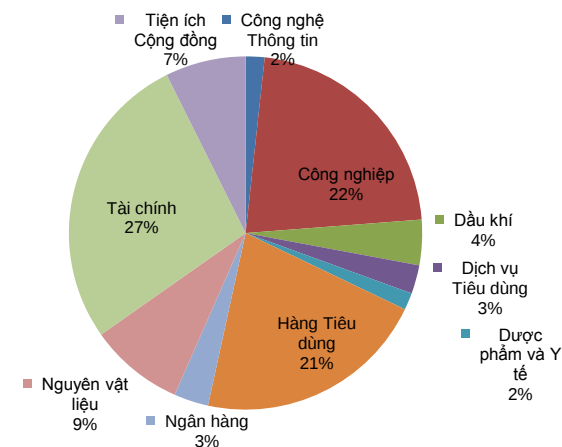
KLGD và HNX-Index trong phiên



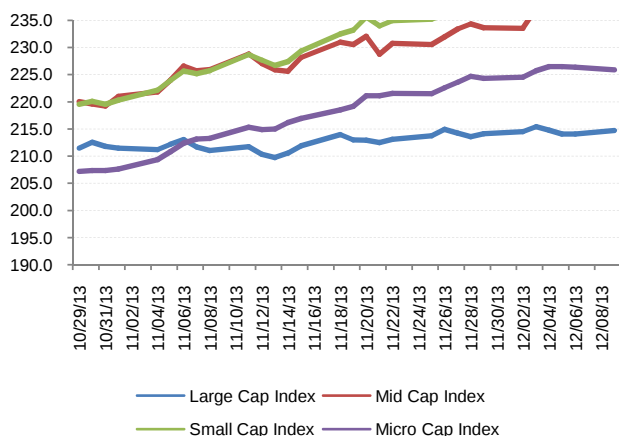
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



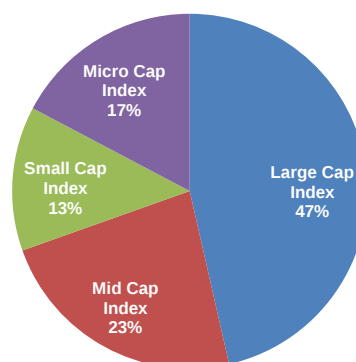
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PPC	486,750	HAG	3,459,310
2	VSH	355,670	ITA	415,100
3	PVD	355,180	PET	311,760
4	MSN	314,610	PVT	260,410
5	GMD	273,100	DRC	133,620

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	666,000	PV2	50,000
2	SHB	274,800	IVS	36,000
3	PVX	169,400	PVG	30,000
4	SCR	125,000	PVL	20,000
5	SDH	95,000	WSS	20,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
FLC	8.2	8.1	↓	-1.22%	6,037,970
PVT	12.4	12.9	↑	4.03%	5,380,230
HAG	21.0	21.0	→	0.00%	4,519,350
KMR	7.5	7.0	↓	-6.67%	4,204,380
HQC	7.1	6.9	↓	-2.82%	3,929,850

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SCR	7.2	7.1	↓	-0.86%	3,435,669
SHB	6.9	7.0	↑	1.43%	2,817,361
PVS	18.2	18.5	↑	1.60%	2,426,204
VCG	10.6	10.5	↓	-1.12%	2,299,905
KLS	9.2	9.1	↓	-0.57%	1,819,092

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.2	1.3	0.1	↑ 8.33%
NHW	11.6	12.4	0.8	↑ 6.90%
TS4	10.2	10.9	0.7	↑ 6.86%
MSN	81.5	87.0	5.5	↑ 6.75%
AGM	13.4	14.3	0.9	↑ 6.72%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
ADC	13.2	14.5	1.3	↑ 9.85%
IDJ	4.0	4.4	0.4	↑ 9.67%
GMX	12.5	13.7	1.2	↑ 9.60%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ICF	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
MHC	4.4	4.1	-0.3	↓ -6.82%
DCT	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%
KMR	7.5	7.0	-0.5	↓ -6.67%
PTL	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CPC	16.0	14.4	-1.6	↓ -9.94%
TH1	34.0	30.7	-3.4	↓ -9.85%
C92	15.4	13.9	-1.5	↓ -9.68%
NSN	3.1	2.8	-0.3	↓ -9.68%
INN	24.0	21.7	-2.3	↓ -9.58%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	6,037,970	6.3%	990	8.2	0.5
PVT	5,380,230	5.9%	680	19.0	1.1
HAG	4,519,350	5.9%	1,095	19.2	1.2
KMR	4,204,380	3.2%	377	18.6	0.5
HQC	3,929,850	4.2%	452	15.3	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	3,435,669	-1.1%	(160)	-	0.5
SHB	2,817,361	17.1%	1,884	3.7	0.6
PVS	2,426,204	17.3%	2,872	6.5	1.1
VCG	2,299,905	3.4%	403	25.8	0.9
KLS	1,819,092	6.4%	810	11.2	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 8.3%	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
NHW	↑ 6.9%	14.5%	1,820	6.8	0.9
TS4	↑ 6.9%	8.1%	1,518	7.2	0.6
MSN	↑ 6.7%	2.7%	556	156.4	4.9
AGM	↑ 6.7%	7.0%	1,357	10.5	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NVC	↑ 10.0%	442.9%	(8,371)	-	(0.2)
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
ADC	↑ 9.8%	32.5%	4,449	3.3	0.8
IDJ	↑ 9.7%	-1.9%	(185)	-	0.5
GMX	↑ 9.6%	16.0%	2,238	5.7	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PPC	486,750	39.7%	6,105	4.2	1.6
VSH	355,670	7.7%	963	15.2	1.1
PVD	355,180	20.2%	6,609	9.5	1.6
MSN	314,610	2.7%	556	156.4	4.9
GMD	273,100	4.3%	1,729	19.8	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	666,000	17.3%	2,872	6.5	1.1
SHB	274,800	17.1%	1,884	3.7	0.6
PVX	169,400	-92.1%	(5,013)	-	0.7
SCR	125,000	-1.1%	(160)	-	0.5
SDH	95,000	-8.1%	(611)	-	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	122,228	40.9%	6,696	9.6	3.7
VNM	115,853	40.5%	8,053	17.3	6.9
VCB	64,888	9.8%	1,757	15.9	1.6
VIC	64,520	47.1%	6,710	10.6	4.0
MSN	63,937	2.7%	556	156.4	4.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	7.5%	1,027	15.2	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,398	17.3%	2,872	6.5	1.1
SHB	6,203	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,100	5.9%	687	37.1	2.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	3.69	12.5%	1,402	6.9	0.8
PXM	3.56	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
DRH	2.71	-5.1%	(504)	-	0.2
SVI	2.57	29.3%	5,862	5.8	1.6
IJC	2.39	2.0%	212	41.4	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	9.35	-0.2%	(21)	-	0.4
CVN	5.66	-43.4%	(4,323)	-	0.4
PFL	4.65	-16.1%	(1,522)	-	0.3
PVV	4.61	-26.7%	(2,364)	-	0.3
NVC	4.31	442.9%	(8,371)	-	(0.2)



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)